

Bản án số: 09/2020/HS-ST
Ngày 03-3-2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH SƠN LA

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thái Văn Tùng.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Bá Sửu;
2. Bà Lò Thị Le.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 09/2020/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2020, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2020/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 02 năm 2020, đối với bị cáo:

Lò Văn P; Tên gọi khác: Không; sinh ngày 06/5/1980, tại huyện Y, tỉnh Sơn La. Nơi cư trú: Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: trồng trọt; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lò Văn P, và bà Quàng Thị S; bị cáo có vợ là Lò Thị K; con: 02 con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/11/2019 đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: Bà Cẩm Kim L – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Sơn La. Có mặt.

- Bị hại: Anh Quàng Văn T, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản L, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lò Thị H, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Bản M, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

2. Anh Mè Văn C, sinh năm 1977. Nơi cư trú: Bản N, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt có lý do.

- Những người làm chứng:

1. Anh Hoàng Văn L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

2. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1976. Nơi cư trú: Bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

3. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1984. Nơi cư trú: Bản Đ, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 4 giờ sáng ngày 26/4/2019 bị cáo Lò Văn P trú tại Bản N, xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La đến nhà Hoàng Văn L ở bản Đ cùng xã chơi. Khi đến nơi thấy Hoàng Văn C, Hoàng Văn T người cùng bản đang ngồi dùng điện thoại của Quàng Văn T ở Bản L, xã C để hát. Do điện thoại của T bị khóa màn hình không chọn được bài hát nên C, T không hát và rủ P uống rượu cùng. T để điện thoại dưới chiếu gần đầu gối. Sau khi uống rượu được khoảng 10 phút thì C, T, P rủ nhau đi ăn đêm. Lợi dụng lúc C, T không để ý Lò Văn P cầm chiếc điện thoại của Quàng Văn T cất giấu vào túi quần bên phải đang mặc, sau đó bị cáo điều khiển xe máy chở C đến quán của gia đình N ở bản L, xã C, huyện Y. C, T ở lại quán N còn bị cáo Lò Văn P điều khiển xe máy đến nhà Lò Thị H trú tại: Bản M, xã C, huyện Y xin ngủ nhờ. Khoảng 7 giờ cùng ngày P nói với Lò Thị H là P nhặt được điện thoại và gạ bán cho Lò Thị H với giá 500.000 đồng, Lò Thị H đồng ý. Sau khi nhận được tiền bán điện thoại bị cáo Lò Văn P điều khiển xe máy về nhà. Khoảng 21 giờ ngày 27/4/2019 P đón xe khách xuống T phố Hà Nội làm thuê.

Sau khi mua điện thoại của Lò Văn P, Lò Thị H mang điện thoại đến quán Q ở Tiểu khu 4, TT Y để phá mật khẩu. Trên đường đi Lò Thị H đã tháo sim điện thoại vớt tại cổng chào Bản M, xã C, huyện Y. Trong thời gian hẹn lấy điện thoại do mối quan hệ thân thiết với Mè Văn C, sinh năm: 1977 trú tại: Bản N, xã V, huyện Y, tỉnh Sơn La, biết C không có điện thoại nên Hặc nói với C đến quán điện thoại Q trả số tiền 350.000 đồng tiền công phá mật khẩu và cho C mượn điện thoại để sử dụng. Sau khi biết điện thoại đang sử dụng là do trộm cắp mà có nên Mè Văn C đã giao nộp chiếc điện thoại cho cơ quan điều tra Công an huyện Y.

Trong quá trình điều tra Quàng Văn T giao nộp 01 vỏ hộp điện thoại Samsung Galaxy A7, Ký hiệu SM – A750GN/DS do.

Ngày 03/5/2019 Cơ quan CSĐT Công an huyện Y đã truy tìm vật chứng là sim điện thoại do Lò Thị H đã tháo vớt tại cổng chào Bản M, C, Y nhưng không tìm thấy.

Ngày 07 tháng 5 năm 2019, Cơ quan CSĐT Công an huyện Y ra Yêu cầu định giá tài sản số 136. Tại Bản kết luận định giá tài sản số 34/HĐ ngày 09/5/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Y, tỉnh Sơn La kết luận: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, kiểu Galaxy A7, màu xanh dương tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 26/4/2019 trị giá: 5.000.000 đồng; 01 sim điện thoại di động của mạng Mobifone, loại sim trả trước, truy cập lưu lượng data miễn phí 1 năm, Sim kích hoạt ngày 9/3/2019, tại thời điểm bị chiếm đoạt ngày 26/4/2019 trị giá: 210.000 đồng. Tổng giá trị thiệt hại: 5.210.000 đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Do điện thoại bị lấy trộm đã bị can thiệp vào phần mềm nên Quảng Văn T không sử dụng điện thoại đã bị lấy trộm nữa và yêu cầu Lò Văn P bồi thường 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để mua điện thoại mới. Ngày 23/12/2019 gia đình Lò Văn P đã bồi thường xong, Quảng Văn T không yêu cầu bồi thường nữa. Lò Thị H yêu cầu Lò Văn P bồi thường số tiền 500.000 đồng là số tiền Hặc mua điện thoại của P.

Tại bản cáo trạng số 07/CT-VKSYC ngày 17 tháng 01 năm 2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Lò Văn P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa công khai bị cáo Lò Văn P đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ, trong hồ sơ vụ án. Tại phiên tòa không phát sinh tình tiết mới.

Đại diện Viện kiểm sát thực hiện quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Lò Văn P mức án từ 9 tháng đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục. Về trách nhiệm dân sự ghi nhận gia đình bị cáo Lò Văn P đã thỏa thuận bồi thường cho bị hại Quảng Văn T 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), các bên đã giao nhận đủ số tiền theo thỏa thuận, không có đề nghị khác. Ghi nhận chị Lò Thị H không yêu cầu bị cáo bồi hoàn số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) tiền mua bán điện thoại; ghi nhận anh Mè Văn C không yêu cầu giải quyết số tiền 350.000 đồng tiền phá mật khẩu khóa điện thoại. Về vật chứng vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, kiểu Galaxy A7, màu xanh dương; tịch thu tiêu hủy 01 vỏ hộp điện thoại Samsung Galaxy A7, Ký hiệu SM – A750GN/DS . Áp dụng điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự, Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện bồi thường thiệt hại khắc phục hậu quả cho người bị hại, bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế là những tình tiết được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 cần áp dụng khi lượng hình với bị cáo, về hình phạt chính đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 cho bị cáo được hưởng án treo cải tạo tại địa phương. Bị cáo không có công việc, không có thu nhập ổn định nên đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Đề nghị áp dụng điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí cho bị cáo.

Bị hại Quảng Văn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến: Gia đình bị cáo và gia đình anh đã thỏa thuận, thống nhất bị cáo Lò Văn P phải bồi thường cho anh Quảng Văn T số tiền: 7.000.000đ (Bảy triệu đồng), anh Quảng Văn T đã nhận đủ số tiền theo thỏa thuận, không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm. Đối với vỏ hộp đựng điện thoại không còn giá trị sử dụng đề nghị tiêu hủy. Về hình phạt đề nghị xét xử bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Lò Thị H có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến: Không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn lại khoản tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng), ngoài ra không có đề nghị khác.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Mè Văn C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và có ý kiến: Không yêu cầu giải quyết số tiền 350.000 đồng là khoản tiền cá nhân anh bỏ tiền ra để phá mật khẩu khóa điện thoại, ngoài ra không có đề nghị gì khác.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất được cài tạo tại địa phương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Y, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Đối với bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, xét việc vắng mặt không gây trở ngại cho việc xét xử. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo quy định tại điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Lò Văn P có đủ cơ sở để khẳng định:

Ngày 26/4/2019 Lò Văn P lợi dụng sự sơ hở trong việc quản lý tài sản của Quảng Văn T đã lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại Samsung Galaxy A7 kèm 01 sim điện thoại, loại sim trả trước, truy cập lưu lượng data miễn phí 1 năm) mục đích bị cáo chiếm đoạt bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Theo kết luận của Hội đồng định giá huyện Y kết luận tổng trị giá tài sản bị cáo chiếm đoạt có giá trị là 5.210.000đ (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng). Hành vi trên của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của anh Quảng Văn T, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an của địa phương. Bản thân bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự nhưng không chịu làm ăn lương thiện, cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác. Trên cơ sở đó đủ điều kiện căn cứ kết luận Hành vi của bị cáo Lò Văn P đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản

1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 như cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Xét tính chất mức độ phạm tội bị cáo trộm cắp tài sản có tổng trị giá là 5.210.000đ (Năm triệu hai trăm mười nghìn đồng) nên phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của bị cáo có mức hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015: “phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, song khi vụ án bị phát hiện bị cáo cố tình trốn tránh không có mặt theo giấy triệu tập, gây khó khăn cho công tác điều tra vụ án kéo dài. Về tình tiết giảm nhẹ bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra và tại phiên tòa đã Thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, mặc dù điều kiện gia đình khó khăn bị cáo đã tích cực bồi thường, khắc phục hậu quả cho gia đình bị hại. Bị cáo là người dân tộc thiểu số cư trú tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, không biết chữ, nhận thức và am hiểu pháp luật có phần hạn chế nên bị cáo Lò Văn P được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Từ sự phân tích trên, xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo Thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, xét chưa cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội chỉ cần giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát, giáo dục cũng đủ điều kiện giáo dục cải tạo bị cáo trở T người lương thiện. Do đó, cần vận dụng Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 giao bị cáo cho chính quyền địa phương nơi cư trú của bị cáo giám sát giáo dục theo quy định của luật thi hành án. Thời gian tạm giam từ ngày 19/11/2019 đến nay được xem xét tính trừ vào thời hạn khi phải chấp hành hình phạt tù.

[4] Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập thấp, bản thân và gia đình không có tài sản gì có giá trị, đang sinh sống tại vùng kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

5] Về vật chứng vụ án gồm: 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, kiểu Galaxy A7, màu xanh dương xét thấy đây là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bị hại Quàng Văn T nhưng sau khi bị can thiệp vào phần mềm anh Quàng Văn T không sử dụng điện thoại này nữa và yêu cầu bị cáo Lò Văn P bồi thường 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để mua điện thoại mới, việc bồi thường đã xong nên cần vận dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Đối với 01 vỏ hộp điện thoại Samsung Galaxy A7,

Ký hiệu SM – A750GN/DS bằng giấy không còn giá trị sử dụng bị hại không nhận lại cần tịch thu tiêu hủy theo quy định.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đại diện gia đình bị cáo Lò Văn P và bị hại anh Quảng Văn T đã thỏa thuận, thống nhất bị cáo Lò Văn P phải bồi thường tiền mua điện thoại mới 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) cho bị hại Quảng Văn T, anh Quảng Văn T đã nhận đầy đủ, không có yêu cầu đề nghị gì thêm, xét các thỏa thuận trên là hoàn toàn tự nguyện cần được ghi nhận. Đối với số tiền 500.000 đồng tiền mua bán điện thoại, chị Lò Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn, anh Mè Văn C cũng không yêu cầu giải quyết số tiền 350.000 đồng tiền phá mật khẩu điện thoại, xét đề nghị của chị H, anh C là hoàn toàn tự nguyện do đó cũng cần được chấp nhận theo quy định tại các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về án phí: Bị cáo Lò Văn P là người dân tộc thiểu số, thuộc diện hộ nghèo, cư trú tại xã C là xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên thuộc diện được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại điểm đ, khoản 1, điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Lò Văn P phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lò Văn P 09 tháng (chín tháng) tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 tháng (Mười tám tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 3/3/2020. Giao bị cáo Lò Văn P cho Ủy ban nhân dân xã C, huyện Y, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả tự do cho bị cáo Lò Văn P ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015; khoản 1, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung, kiểu Galaxy A7, màu xanh dương; tịch thu tiêu hủy 01 vỏ hộp điện thoại Samsung Galaxy A7, Ký hiệu SM – A750GN/DS.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an và chi cục Thi hành án dân sự huyện Y)

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, 585, 586 và Điều 590 Bộ luật dân sự; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015: Ghi nhận việc bị cáo Lò Văn P và bị hại Quảng Văn T đã thỏa thuận, thống nhất bị cáo Lò Văn P phải bồi thường tiền mua điện thoại mới 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) cho bị hại Quảng Văn T, anh Quảng Văn T đã nhận đầy đủ, không có yêu cầu đề nghị gì thêm. Ghi nhận chị Lò Thị H không yêu cầu bị cáo phải bồi hoàn số tiền 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng). Ghi nhận anh Mè Văn C không yêu cầu giải quyết số tiền 350.000 đồng tiền phá mật khẩu khóa điện thoại.

4. Về Án phí: Căn cứ điểm đ, khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo Lò Văn P.

Báo cho bị cáo biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao, gửi bản án theo thủ tục hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Sở tư pháp tỉnh Sơn La;
- VKSND huyện Y;
- Công an huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã C, huyện Y;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Thái Văn Tùng

